

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HC-ST

Ngày 21 - 9 - 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lai và bà Nguyễn Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HC ngày 10/6/2022, “*Về Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HC ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đỗ Văn S và bà Hà Thị K.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, phường S, thị xã P, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ma Ngọc Mạnh L.
Địa chỉ: Tổ 01, phường V, thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 091, phố X, phường V, thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Trinh Q - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến D - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã P, tỉnh Lào Cai; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Tổ 4, phường S, thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức V - Chức vụ: Chủ tịch UBND phường S; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Ngày 31/12/2021 Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) thị xã P ban hành Quyết định số 1365/QĐ-UBND thu hồi 5.931,8m² đất trồng cây hàng năm của hộ gia đình ông S, bà K và ban hành Quyết định số 1368/QĐ-UBND, V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện công trình: Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, huyện P. Ông S và bà K không đồng ý với hai quyết định trên vì lý do sau:

Thứ nhất, UBND thị xã P xác định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của hộ ông S là đất trồng cây hàng năm khác mà không xác định phần diện tích 120m² có nhà ở là đất ở và không cấp tái định cư cho gia đình ông là không đúng quy định pháp luật.

Về nguồn gốc đất, năm 2000 gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn T một mảnh nương diện tích 5.931,84m² để canh tác và làm nhà ở với giá 10 triệu đồng. Đến năm 2001, ông S và bà K đã xây dựng nhà, công trình phụ với diện tích khoảng 200m², gia đình ông đã sử dụng nhà đất ổn định không có tranh chấp và thực hiện nộp thuế đất hàng năm cho nhà nước.

Ngày 16/6/2015 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện P đã tiến hành kiểm đếm tài sản của ông S và bà K, xác định tài sản trên đất gồm có nhà ở và các công trình phụ diện tích khoảng 200m². Căn cứ khoản 2 Điều 79, khoản 2 Điều 83, khoản 4 Điều 86, khoản 2 Điều 101 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 1 Điều 6, Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì diện tích 5.811,8m² của hộ ông S đủ điều kiện được bồi thường về đất trồng cây hàng năm khác và ngôi nhà diện tích khoảng 120m² đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (Viết tắt GCNQSDĐ), ngoài chỗ ở này gia đình ông S không còn chỗ ở nào khác nên phải được cấp tái định cư. UBND

thị xã P ban hành quyết định thu hồi đất nhưng không xác định có đất ở, không cấp tái định cư cho gia đình ông S là trái pháp luật.

Thứ hai, UBND thị xã P ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ ông S nhưng không áp giá bồi thường hỗ trợ theo quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai là không đúng quy định pháp luật, cụ thể như sau:

Ngày 20/9/2016 UBND huyện P ban hành Quyết định số 841/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông S, trong đó bồi thường về tài sản trên đất là 967.416.166 đồng nhưng không có quyết định thu hồi đất và không bồi thường về đất. Ông S đã nhận tiền bồi thường tài sản trên đất và làm đơn kiến nghị lên UBND huyện P đề nghị thu hồi và bồi thường về đất cho gia đình ông.

Ngày 08/8/2017 UBND huyện P có văn bản số 7640/UBND-GPMB trả lời gia đình ông S thì ông mới biết UBND tỉnh Lào Cai đã thu hồi diện tích đất của gia đình ông sử dụng cho Hợp tác xã nông nghiệp H theo quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 14/3/2013. Năm 2018 ông S đã khởi kiện vụ án hành chính tại TAND tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện P đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình ông S trước ngày 15/12/2018 và ông S sẽ rút đơn khởi kiện. Sau khi ông S rút đơn khởi kiện, UBND tỉnh Lào Cai đã ra quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2019, V/v điều chỉnh giảm diện tích cấp GCNQSDĐ và diện tích đất cho HTX H và HTX V để UBND huyện P bồi thường đất cho gia đình ông S nhưng UBND huyện P đã không bồi thường. Sau đó ông S tiếp tục khởi kiện ra Tòa án, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án tỉnh Lào Cai và Bản án hành chính phúc thẩm số 161/2021/HC-ST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã công nhận diện tích 5.931,84m² là của hộ ông S, buộc UBND thị xã P phải thực hiện thu hồi đất, bồi thường, cấp tái định cư cho hộ ông S theo quy định của pháp luật. Việc UBND huyện P ra Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 phê duyệt bồi thường tài sản trên đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất cho hộ ông S thời điểm năm 2016 là trái pháp luật. UBND thị xã P ban hành Quyết định số 1365/QĐ-UBND, V/v thu hồi đất nhưng không xác định có đất ở và Quyết định số 1368/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng không áp giá bồi thường theo quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai là trái pháp luật. Vì vậy ông S bà K khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1/ Hủy Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P, V/v thu hồi đất.

2/ Hủy một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P, V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông S, bà K.

3/ Buộc UBND thị xã P phải áp giá bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông S theo quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai.

Người bị kiện UBND thị xã P trình bày:

Thực hiện thi hành Bản án số 32/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của TAND tỉnh Lào Cai về việc buộc UBND thị xã P thực hiện thu hồi và bồi thường cho ông Đỗ Văn S với diện tích 5.931,84m² đất.

Ngày 23/8/2021, UBND thị xã P đã ban hành thông báo số 450/TB-UBND V/v thu hồi đất đối với hộ ông S để thực hiện khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, thị trấn P (nay là phường S). Theo nội dung thông báo thu hồi đất thì hộ ông S bị thu hồi 5.931,8m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 9, tại tổ 3, phường S, thị xã P, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27/8/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất cùng với UBND phường đã kiểm đếm số lượng đất đai, tài sản, hoa màu trên đất của hộ ông S. Căn cứ số liệu kiểm đếm, Trung tâm phát triển quỹ đất đã tổ chức áp giá và niêm yết dự thảo phương án bồi thường từ ngày 08/9/2021 đến ngày 28/9/2021, tổ chức họp lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường vào ngày 28/9/2021. Toàn bộ tài sản hoa màu trên đất của hộ ông S đã được bồi thường tại Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 nên không được bồi thường nữa.

Thực hiện theo quy trình giải phóng mặt bằng, sau khi đã tổ chức xác định nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình, tỷ lệ phần trăm mất đất. Hội đồng bồi thường đã tiến hành họp để xét duyệt tư cách bồi thường đối với hộ gia đình, cá nhân. Sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất đã trình phòng Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) thẩm định phương án bồi thường và trình UBND thị xã P phê duyệt phương án bồi thường và phê duyệt quyết định thu hồi đất. Ngày 31/12/2021 UBND thị xã P đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 1365/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1368/QĐ-UBND. Theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì hộ ông S được phê duyệt với số tiền là 1.195.360.000 đồng. Ngày 14/01/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất đã tiến hành chi trả tiền bồi thường và bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi của ông S cho Ban QLDA - ĐTXD để triển khai thực hiện dự án.

Như vậy, UBND thị xã P đã áp dụng đúng và đủ các quy định hiện hành để thực hiện việc thu hồi, bồi thường đối với hộ ông S và ông S đã nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng cho UBND thị xã P để thực hiện dự án. Do đó, việc ông S yêu cầu

Tòa án hủy các quyết định thu hồi, bồi thường là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S và bà Hà Thị K, tuyên hủy Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất và một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Đỗ Văn Sáu; Buộc UBND thị xã P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa người khởi kiện, người bị kiện UBND thị xã P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ông Đỗ Văn S và bà Hà Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P, V/v thu hồi đất; Hủy một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P, V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình ông S; Buộc UBND thị xã P phải áp giá bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông S theo quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai.

Đây là các quyết định hành chính, hành vi hành chính do UBND thị xã P ban hành trong quá trình quản lý nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tổ tụng hành chính. Vụ án được khởi kiện trong thời hiệu quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định thu hồi đất số 1365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai 2013, UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Như vậy, UBND thị xã P, tỉnh Lào Cai ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn Slà đúng thẩm quyền.

[3.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Thực hiện thi hành Bản án số 32/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của TAND tỉnh Lào Cai về việc buộc UBND thị xã P thực hiện hành vi hành chính tiền hành thu hồi 5.931,4m² đất và thống kê, bồi thường, hỗ trợ, cấp đất tái định cư cho gia đình ông S theo quy định pháp luật.

Ngày 23/8/2021, UBND thị xã P đã ban hành Thông báo số 450/TB-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình ông S để thực hiện dự án: Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc.

Ngày 27/8/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P và UBND phường S đã tiến hành kiểm đếm số lượng đất đai, tài sản, hoa màu của hộ ông S. Sau đó tiến hành niêm yết công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức họp lấy kiến về dự thảo phương án bồi thường.

Ngày 03/11/2021 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã tiến hành họp xét duyệt tư cách bồi thường đối với hộ ông S. Sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất đã trình Phòng TN&MT phê duyệt phương án bồi thường và phê duyệt quyết định thu hồi đất.

Ngày 31/12/2021 UBND thị xã P ban hành Quyết định số 1365/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông S.

Như vậy trình tự, thủ tục ban hành quyết định thu hồi đất đảm bảo đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013.

[3.3] Về nội dung quyết định:

Quyết định thu hồi đất số 1365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 có nội dung: *“Thu hồi 5.931,8m² đất trồng cây hàng năm khác của hộ ông Đỗ Văn S, tại tổ 3, phường S, thị xã P; chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với diện tích trên để thực hiện công trình: Khu tái định cư và sắp xếp khu dân cư Tây Bắc, huyện P”*.

Người khởi kiện cho rằng, UBND thị xã P xác định toàn bộ diện tích 5.931,8m² đất bị thu hồi là đất trồng cây hàng năm khác là không đúng vì trong tổng diện tích đất trên có 120m² đất đã dựng nhà sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Vì vậy cần xác định phần diện tích 120m² có nhà ở là đất ở, diện tích còn lại 5.811,8m² là đất trồng cây hàng năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hộ ông S sử dụng đất không có giấy tờ về đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ. Nguồn gốc đất là do gia đình ông S nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn T từ năm 2000.

Tại Biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư về việc xác định nguồn gốc sử dụng đất của ông Đỗ Văn S ngày 16/03/2016 do UBND thị trấn Sa Pa thực hiện, xác định khoảng năm 2000 ông S nhận chuyển nhượng đất của ông T, ông S sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ năm 2000 đến nay. Mặt khác tại Bản án số 32/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của TAND tỉnh Lào Cai đã khẳng định diện tích 5.931,84m² là do gia đình ông S nhận chuyển nhượng của ông T và sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp từ năm 2000 đến nay, được UBND thị trấn P (cũ) xác nhận.

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ): “Việc xác định loại đất đối với trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”.

Căn cứ quy định trên, thì loại đất bị thu hồi của hộ ông S phải được xác định theo hiện trạng đang sử dụng. Tại thời điểm năm 2015, gia đình ông S đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kiểm đếm hiện trạng, tài sản trên đất và đã được UBND huyện P bồi thường toàn bộ tài sản theo Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 20/9/2016. Tuy nhiên gia đình ông S lại không được thu hồi và bồi thường về đất nên ông đã khởi kiện vụ án hành chính tại TAND tỉnh Lào Cai. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của TAND Lào Cai (Bản án đã có hiệu lực pháp luật) đã buộc UBND thị xã P phải thực hiện thu hồi đất, bồi thường, cấp tái định cư cho gia đình ông S, bà K. Thi hành bản án trên, năm 2021 UBND thị xã P đã tiến hành thu hồi đất và thực hiện kiểm đếm đất đai, tài sản, hoa màu cho gia đình ông S, tại thời điểm kiểm đếm năm 2021 trên đất không còn hiện trạng vì toàn bộ tài sản (nhà và các công trình phụ) của gia đình ông S đã được kiểm kê tại Biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 16/6/2015 và ông S cũng đã tháo dỡ toàn bộ tài sản trên để bàn giao đất cho nhà nước thực hiện dự án từ năm 2016.

Vì vậy cần xác định hiện trạng đang sử dụng đất của hộ ông S là thời điểm kiểm đếm năm 2015.

Theo biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 16/6/2015 đối với hộ ông S xác định: *Đất trồng cây lâu năm: 8.165,6 m²; Đất ODT: 124,2m²; Đất chưa sử dụng: 324,9m²; Đất đường giao thông: 228,7m². Tài sản (vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi): 01 Nhà gỗ diện tích 31,0m², 01 bếp tường xây diện tích 16,5m²; 01 nhà vệ sinh diện tích 4,0m²; 01 nhà gỗ diện tích 56m²; 01 sân lát xi măng diện tích 68,2m²; 01 chuồng lợn diện tích 20m² và các công trình phục vụ sinh hoạt khác.*

Ông S khẳng định, gia đình ông đã sử dụng diện tích đất trên từ năm 2000, đến năm 2001 đã xây dựng nhà và các công trình phụ để làm ăn sinh sống. Gia đình ông đã sử dụng căn nhà trên vào mục đích để ở, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước xử phạt về hành vi lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Quá trình sử dụng có thực hiện nộp thuế đất hàng năm cho nhà nước (Có biên lai thuế nhà, đất ngày 01/7/2010).

Từ những phân tích trên, xét thấy gia đình ông S đã sử dụng nhà, đất ổn định vào mục đích để ở cho đến khi nhà nước thực hiện thu hồi, không bị chính quyền địa phương xử phạt về hành vi sử dụng đất trái mục đích. Do đó căn cứ vào hiện trạng đang sử dụng đất của hộ ông S thì phần diện tích đất có nhà phải được xác định là đất ở, phần diện tích còn lại thì được xác định là đất trồng cây hàng năm. UBND thị xã P xác định toàn bộ 5.931,8m² đất bị thu hồi của hộ ông S là đất trồng cây hàng năm khác là không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, quyết định thu hồi đất số 1365/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhưng chưa đúng nội dung nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy quyết định trên.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P.

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

Khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày*”.

Ngày 31/12/2021 UBND thị xã P ban hành Quyết định số 1365/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông S. Cùng ngày UBND thị xã P ban hành Quyết định số 1368/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông S là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

[4.2] Về nội dung của quyết định:

Theo Biểu tổng hợp phương án bồi thường chi tiết, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND thì hộ ông S được phê duyệt bồi thường với tổng số tiền: 1.195.360.000 đồng, trong đó:

Tiền bồi thường về đất: 296.590.000 đồng.

Tiền bồi thường về tài sản, hoa màu: Không

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 9.000.000 đồng;

Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 898.770.000 đồng.

Tái định cư: Không.

Đối với tiền bồi thường về đất: Ông S cho rằng gia đình ông đã xây dựng nhà từ năm 2001 sử dụng ổn định không có tranh chấp và cung cấp chứng cứ là Đơn đề nghị ngày 16/9/2022 có xác nhận của một số hộ gia đình sinh sống lâu năm cùng thời điểm với ông S như ông Đỗ Mạnh H, bà Phạm Thị N, ông Đoàn Văn P về việc ông S làm nhà từ năm 2001 và có chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ 3, phường S là ông Phạm Hồng T. Tuy nhiên Đơn đề nghị của ông S chỉ được UBND phường S xác nhận về chữ ký của ông tổ trưởng, do đó không có căn cứ để xác định ông S dựng nhà từ năm 2001.

Căn cứ quy định tại Điều 20 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ, mặc dù hộ ông S sử dụng đất có nhà ở nhưng ông S không chứng minh được ông làm nhà trước ngày 01/7/2004. Vì vậy cần xác định ông S làm nhà ở sau thời điểm ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với diện tích đất có nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai, người bị thu hồi đất chỉ được bồi thường về đất khi có GCNQSDĐ hoặc đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Do hộ ông S không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ ở đối với diện tích đất có nhà ở nên không được bồi thường về đất ở, đối với phần diện tích đất không có nhà thì áp dụng theo đơn giá bồi thường là đất trồng cây hàng năm khác do UBND tỉnh Lào Cai quy định.

Đối với tiền bồi thường về tài sản, hoa màu trên đất: Hộ ông S đã được bồi thường về tài sản, hoa màu trên đất tại Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 với tổng số tiền là: 967.075.166 đồng. Ông S đã nhận đủ số tiền bồi thường về tài sản, hoa màu.

Đối với chính sách hỗ trợ:

Về chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Theo Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 17/12/2021 của UBND phường S thì tỷ lệ % mất đất nông nghiệp của hộ ông S là 29,0% và có 05 nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Tại Văn bản số 371/VPĐK-ĐKĐ ngày 14/9/2022 của Văn phòng ĐKĐĐ thị xã P xác nhận ông S không có đất ở nào khác trên địa bàn thị xã P.

Điểm a khoản 6 Điều 16 Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai quy định: “*Hỗ trợ ổn định đời sống đối với các hộ bị thu hồi dưới 30% đất nông nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT:*

a) Thời gian hỗ trợ theo quy định như sau: Hỗ trợ trong thời gian 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở ...”.

Như vậy, hộ ông S đã sử dụng căn nhà trên đất bị thu hồi để ở, ngoài nhà đất trên thì ông S không có chỗ ở nào khác, hiện nay ông S đang phải ở nhờ trên nhà, đất của con trai, khi Nhà nước thu hồi đất hộ ông S phải di chuyển chỗ ở. Vì vậy hộ ông S phải được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng. UBND thị xã P chỉ hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông S trong thời gian 03 tháng là thiếu.

Về chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: UBND thị xã P đã hỗ trợ cho hộ ông S bằng 03 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 17 Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai.

Về hỗ trợ tái định cư:

Như đã phân tích ở phần trên, diện tích đất có nhà ở của hộ ông S bị thu hồi không đủ điều kiện được công nhận là đất ở nên không được bồi thường về đất ở, vì vậy hộ ông S không đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai.

Tuy nhiên khoản 2 Điều 79 Luật đất đai; Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định: “*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”.*

Hộ ông S sử dụng đất có nhà ở, khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, hộ ông S cũng chưa được cấp đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn thị xã P. UBND thị xã P cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh ông S có chỗ ở khác. Vì vậy hộ ông S đủ điều kiện

được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. UBND thị xã P không áp dụng chính sách hỗ trợ này đối với hộ ông S là không đúng quy định.

Từ những phân tích trên, xét thấy Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục nhưng chưa đúng về nội dung nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện về việc Buộc UBND thị xã P phải áp giá bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông S theo quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai.

Ngày 16/9/2022, ông Đỗ Văn S có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung Buộc UBND thị xã P phải áp giá bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông S theo quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 165 Luật tổ tụng hành chính cần đình chỉ giải quyết đối với phần nội dung yêu cầu khởi kiện này.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 62, 66, 69, 79, 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 6, 19, 20 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S và bà Hà Thị K.

- Hủy Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình: Khu tái định cư và sắp xếp khu dân cư Tây Bắc, huyện P (Hộ ông Đỗ Văn Sáu);

- Hủy một phần Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện

công trình: Khu tái định cư và sắp xếp khu dân cư Tây Bắc, huyện Phố với gia đình ông Đỗ Văn S và bà Hà Thị K.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện Buộc UBND thị xã P phải áp giá bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông S theo quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho người khởi kiện 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do Ông Ma Ngọc Mạnh L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000175 ngày 10/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Lào Cai phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phòng Chí Thiện

